

Số: /BC-SNN

Tây Ninh, ngày 07 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Ước thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch phát triển ngành Nông nghiệp và PTNT năm 2023

Thực hiện Công văn số 3869/BNN-KH ngày 17/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc xây dựng kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn năm 2023;

Thực hiện Công văn số 3580/UBND-TH ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023; kết quả thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tây Ninh báo cáo ước thực hiện kế hoạch năm 2022, xây dựng kế hoạch năm 2023, cụ thể như sau:

PHẦN I TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NĂM 2022

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN VÀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Năm 2022, dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh đã dần được kiểm soát nhưng tình hình sản xuất nông nghiệp của tỉnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn do tác động bất lợi của thời tiết, giá cả vật tư nông nghiệp tăng cao, nguy cơ dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi vẫn còn hiện hữu. Ngay từ đầu năm, Lãnh đạo Sở đã chủ động triển khai quyết liệt, nghiêm túc các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT¹, Tỉnh ủy và UBND tỉnh; đồng thời chủ động chỉ đạo các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện và cụ thể hóa các nhiệm vụ trong năm 2022, cụ thể như sau:

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-UBND, Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 08/01/2022 của UBND tỉnh², Lãnh đạo Sở đã ban hành Quyết định số 33/QĐ-SNN ngày 10/02/2022 về những nhiệm vụ cụ thể, giải pháp chủ yếu chỉ đạo thực hiện kế hoạch năm 2022 của ngành Nông nghiệp và PTNT, Sở đã phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các nội dung trọng tâm năm 2022 của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở để đảm bảo triển khai thực hiện đồng bộ, xuyên suốt và đạt hiệu quả. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng đề nghị các phòng, cơ quan, đơn vị báo cáo tiến độ và tổ chức họp giao ban để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực thi nhiệm vụ nhằm

¹ Quyết định số 106/QĐ-BNN-KH ngày 12/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

² Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 08/01/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh năm 2022; Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 08/01/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2022.

đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nói chung và chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển ngành năm 2022 nói riêng.

Trong Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2022, Ngành được giao tham mưu UBND tỉnh 11 nội dung, trong đó có 06 nội dung chuyên tiếp, 04 nội dung mới, 01 nội dung đăng ký bổ sung. Kết quả tính đến tháng 10/2022, Sở Nông nghiệp và PTNT đã trình các cấp có thẩm quyền ban hành 03/11 nội dung³, hiện đang hoàn chỉnh và trình tham mưu UBND tỉnh 06/11 nội dung, đề xuất chuyên tiếp 02/11 nội dung⁴ sang năm 2023, phần đầu đến cuối năm 2022 hoàn thành trình UBND tỉnh 06/11 nội dung còn lại trong năm.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Nông nghiệp của tỉnh cơ bản được phục hồi do dịch Covid-19 dần được kiểm soát, hầu hết các chỉ tiêu của ngành đều đạt so với KH, cụ thể như sau:

	Chỉ tiêu	TH năm 2021	Kế hoạch năm 2022	UTH năm 2022
1	Giá trị sản phẩm bình quân thu được trên 01 ha đất trồng trọt (triệu đồng/ha)	102	105	106
2	Chương trình MTQG xây dựng NTM			
	- Số huyện đạt NTM, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ NTM	01	04	04
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới, Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM/tổng số xã (%)	55 xã, đạt 77,5%	61 xã, đạt 85,9%	61 xã, đạt 85,9%
	- Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao, Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM nâng cao/tổng số xã (%)	8 xã, đạt 11,2%	16 xã, đạt 22,5%	16 xã, đạt 22,5%
3	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	16,3	16,3	16,3
4	Tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn của Bộ Y tế (%)	64,0	66,0	66,0

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

a) Trồng trọt

Nhìn chung, tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh được duy trì ổn định sau khi đại dịch Covid-19 đã được kiểm soát, hầu hết các sản phẩm nông sản đáp ứng nhu cầu của thị trường, được tiêu thụ chủ yếu ở trong nước. Việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất ngày càng rộng rãi, đã góp phần làm tăng năng suất, chất lượng các nông sản trên địa bàn tỉnh.

³ 03 nội dung ban hành gồm: (1) Kế hoạch số 2826/KH-UBND ngày 26/8/2022 về phát triển chuỗi giá trị chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025; (2) Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 về quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; (3) Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 về chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

⁴ 02 nội dung chuyên tiếp gồm: (1) Nghị quyết Quy định về chính sách, khung giá và giá nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; (2) Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

Ước tổng diện tích chuyển đổi năm 2022 đạt 1.700 ha (chủ yếu từ diện tích cây lúa, cao su không hiệu quả sang trồng mì, cây ăn quả). Lũy kế từ năm 2016 đến cuối năm 2022 đã thực hiện chuyển đổi 40.200 ha, trong đó chuyển sang trồng cây hàng năm là 34.100 ha và chuyển đổi sang trồng cây lâu năm là 6.100 ha. Giá trị sản phẩm bình quân thu được trên 01 ha đất trồng trọt ước đạt 106 triệu đồng, tăng 04 triệu đồng so với năm 2021.

Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn tỉnh ước đạt 385.430 ha, vượt 1,6% so kế hoạch năm (KH) và duy trì 100% so với cùng kỳ (CK); trong đó cụ thể như sau:

- Cây lúa: 146.600 ha, mặc dù giảm 1% so CK nhưng vẫn cao hơn 7,1% so KH.
- Cây bắp: 5.110 ha, vượt 0,2% so KH và tăng 0,8% so CK.
- Mì: 60.530 ha, bằng 100% so KH và tăng 2,5% so CK.
- Mía: 6.255 ha, bằng 96,2% so KH và tăng 1,9% so CK.
- Rau các loại: 19.480 ha, bằng 88,5% so KH và bằng 99,9% so với CK.
- Đậu phộng: 3.230 ha, bằng 85,0% so KH và bằng 88,8% so với CK.
- Cây cao su: 101.550 ha, vượt 3,0% so KH và bằng 99,8% so với CK.
- Cây ăn quả: 23.666 ha, bằng 94,7% so KH và tăng 1,6% so với CK.

b) Bảo vệ thực vật

Trong năm, diện tích nhiễm sâu bệnh hại phát sinh tăng (+2.085 ha) so với CK nhưng chủ yếu ở mức nhiễm nhẹ. Một số đối tượng phát sinh phổ biến như: rầy nâu, rầy phấn trắng, sâu cuốn lá nhỏ, ốc bươu vàng, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá ... gây hại trên 20.000 ha lúa; bệnh phấn trắng gây hại 384 ha cao su; bệnh sương mai, bệnh đốm vàng, bệnh thán thư, sâu xanh, ruồi đục quả gây hại trên 4.700 ha rau các loại. Riêng bệnh khảm lá phát sinh gây hại trên khoai mì khoảng 41.260 ha, giảm 2,6% (-1.093 ha) so với CK. Tính đến ngày 31/10/2022, tổng diện tích khoai mì nhiễm bệnh còn trên đồng là 13.511 ha.

Công tác bảo vệ thực vật được tăng cường thực hiện giúp đảm bảo năng suất, chất lượng nông sản cho nông dân: (1) theo dõi diễn biến rầy nâu di trú vào hệ thống bẫy đèn trên địa bàn tỉnh, trong năm có 06 đợt rầy nâu di trú (cao nhất vào ngày 23/02/2022 với số lượng 1.335 con/bẫy), nhìn chung ảnh hưởng không đáng kể đến sinh trưởng cây lúa; (2) tăng cường kiểm tra đồng ruộng, phối hợp cùng nông dân nắm chắc diễn biến và hướng dẫn biện pháp quản lý sinh vật gây hại cây trồng; (3) tổ chức 122 lớp tập huấn nông dân về phòng trừ dịch hại cây trồng tại các địa phương; (4) phối hợp điều tra rừng trồng thuần theo đề nghị hỗ trợ của các đơn vị quản lý rừng trên địa bàn tỉnh.

1.2. Chăn nuôi – Thú y

a) Chăn nuôi

Tình hình chăn nuôi còn tương đối khó khăn, giá vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi tăng cao nên người dân và doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư, tổng đàn gia súc tăng so CK nhưng chưa đạt KH đề ra. Ước tổng đàn và sản phẩm gia súc, gia cầm chủ lực trên địa bàn tỉnh như sau:

- Đàn bò: 103.300 con, đạt 93,9% so KH, tăng 3,3% so CK, sản lượng thịt đạt 7.300 tấn, đạt 96,7% KH (trong đó đàn bò sữa đạt 13.305 con, sản lượng sữa đạt 51.000 tấn).

- Đàn heo: 231.817 con đạt 92,7% KH, tăng 6,1% so với CK; sản lượng thịt đạt 48.000 tấn, tăng 13,5% so CK.

- Đàn gia cầm: 09 triệu con, đạt 100% so KH, tăng 0,7% so CK; sản lượng thịt đạt 49.000 tấn, tăng 22,8% so CK, sản lượng trứng đạt 650 triệu quả, tăng 8,3% so CK.

Cơ cấu chăn nuôi tiếp tục chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi quy mô trang trại tập trung, đảm bảo an toàn sinh học. Đến cuối năm 2022, trên địa bàn tỉnh có 630 trang trại chăn nuôi gia súc với 204.475 con và 107 trang trại chăn nuôi gia cầm với trên 6,4 triệu con⁵; tiếp tục khuyến khích các cơ sở chăn nuôi sản xuất theo quy trình VietGAHP và an toàn dịch bệnh. Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 60 cơ sở chăn nuôi (38 cơ sở chăn nuôi heo, 22 cơ sở chăn nuôi gà) được cấp giấy chứng nhận VietGAHP; có 01 vùng thuộc huyện Dương Minh Châu và 03 cơ sở cấp xã thuộc huyện Gò Dầu an toàn dịch bệnh đối với bệnh Cúm gia cầm và Niu-cát-xon trên gà; 06 cơ sở cấp xã thuộc huyện Bến Cầu an toàn dịch bệnh đối với bệnh Lở mồm long móng và 71 cơ sở chăn nuôi gà, vịt, heo, bò được cấp giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh.

Nổi bật trong thời gian qua là thu hút đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi mạnh mẽ, có 14 dự án chăn nuôi xin chủ trương đầu tư, 22 dự án⁶ được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, ngoài ra đã thẩm định được 215 hồ sơ xin chủ trương xây dựng 342 nhà yến. Ước năm 2022, sẽ cho ý kiến thẩm định khoảng 20 dự án đầu tư chăn nuôi (15 dự án đầu tư chăn nuôi mới; 05 dự án điều chỉnh).

b) Công tác thú y

Giai đoạn đầu năm 2022, trên địa bàn tỉnh xảy ra 19 ổ bệnh Dịch tả heo Châu Phi, số heo tiêu hủy là 501 con, tình hình dịch bệnh đã được khống chế, tất cả 19 ổ dịch đã qua 21 ngày không phát sinh ổ dịch mới, từ ngày 7/3/2022 trở đi không phát sinh dịch bệnh nguy hiểm trên địa bàn. Công tác phòng chống dịch bệnh được thực hiện tốt, hoàn thành các kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2022, ước kết quả thực hiện đến cuối năm: (1) thực hiện 02 đợt tiêm phòng gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh với 1,87 triệu liều vắc xin các loại (đạt 100% KH), mạng lưới thú y cơ sở tiêm phòng được 280.404 liều; (2) thực hiện 05 đợt tiêu độc khử trùng với tổng số thuốc 13.500 lít, tổng diện tích phun xịt khoảng 27.000.000 m² (đạt 100% KH); (3) kiểm dịch xuất tỉnh trên 319.000 con gia súc, 4,8 triệu con gia cầm và 7.800 tấn sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ trên 366.000 con gia súc, 4,9 triệu con gia cầm; (4) thực hiện được 20/14 chuyến bắt chó chạy rong, vượt 42,8% KH với tổng số chó bắt được là 142 con; (5) triển khai 02 lớp tập huấn và 126 lượt phát thanh ở các huyện, thị xã, thành phố về công tác phòng chống dịch bệnh: cúm gia cầm, lở mồm long móng, heo tai xanh, dịch tả lợn Châu Phi... Nhìn chung, công tác thú y, phòng chống dịch bệnh được thực hiện tốt, đạt mục tiêu và kế hoạch góp phần khống chế được dịch tả heo Châu Phi và bệnh viêm da nổi cục trên trâu, bò, hiện nay các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm không xảy ra trên địa bàn tỉnh.

2. Thủy sản

Diện tích nuôi trồng ước đạt 567,8 ha, đạt 96,2% so KH, tăng 1,2% so với CK; tổng sản lượng nuôi trồng đạt 11.078 tấn, đạt 96,3% so với KH, bằng 83,5% so với CK; sản lượng thủy sản khai thác đạt 2.064 tấn, đạt 92,6% so với KH, tăng 2,6% so với CK.

⁵ So với CK 2021: Tăng 18 trang trại gia súc với 11.897 con gia súc, giảm 5 trang trại gia cầm, nhưng tăng quy mô đầu con gia cầm gần 800.000 con.

⁶ 15 dự án cho ý kiến năm 2021 chuyển sang và 07 dự án cho ý kiến năm 2022

Thủy sản giống đạt 45 triệu con, đạt 100% KH, tăng 47,9% so CK. Giá trị sản phẩm nuôi trồng thủy sản trên 01 ha đạt 796 triệu đồng, tăng 8% so năm 2021.

Đã triển khai 10/15 (đạt 66,7%) chuyên kiểm tra việc vận chuyển, tàng trữ, sử dụng ngư cụ cấm để khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2022, ước đến cuối năm 2022 hoàn thành 15/15 chuyên đạt 100% KH.

3. Lâm nghiệp

Trong năm, ngành đã tích cực chỉ đạo các đơn vị chủ rừng thực hiện phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030, Đề án quản lý, phát triển rừng sản xuất tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019 - 2025, định hướng đến năm 2035, ước thực hiện năm 2022 đạt được các kết quả như sau:

- **Bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên:** bảo vệ 58.330 ha rừng hiện có, đầu tư khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên là 1.198 ha. Toàn bộ diện tích nêu trên được giao khoán các hộ gia đình, cá nhân bảo vệ, phòng chống cháy rừng theo quy định. Kết quả, công tác bảo vệ rừng được các đơn vị chủ rừng thực hiện tốt, diện tích rừng ổn định, ít bị tác động, toàn bộ diện tích nêu trên đều đạt các chỉ tiêu được nghiệm thu, thanh toán 100% khối lượng được giao. Việc cập nhật theo dõi diễn biến rừng thực hiện đúng theo quy định.

- **Cập nhật theo dõi diễn biến rừng:** đã triển khai hướng dẫn thực hiện công tác theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Nhìn chung các Hạt Kiểm lâm và Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR đã thường xuyên rà soát cập nhật kịp thời các diễn biến rừng trên địa bàn quản lý khi có biến động, đảm bảo theo dõi và quản lý tốt.

- **Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng:** trồng mới 210,8 ha và trồng 244.000 cây phân tán, chăm sóc 653 ha rừng phòng hộ, đặc dụng, đạt 100% KH.

- **Trồng cây phân tán:** Thực hiện Đề án trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ, Ngành đã lập Dự án trồng cây phân tán tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025 trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt và triển khai thực hiện. Theo đó, năm 2022 phân bổ 244.000 cây giống các loại từ nguồn ngân sách tỉnh đầu tư cho các tổ chức, cá nhân trồng phân tán trên địa bàn tỉnh, đạt 100% so với KH.

- **Thực hiện Đề án quản lý, phát triển rừng sản xuất tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019 - 2025, định hướng đến năm 2035:** UBND các huyện: Tân Biên, Tân Châu và Châu Thành đã và đang tổ chức rà soát lại ranh mốc trên thực địa và lập bản đồ giải thửa để làm cơ sở xây dựng kế hoạch giao, cho thuê theo quy định; đã trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt mô hình trồng rừng sản xuất để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh. Tính đến nay, Ủy ban nhân dân các huyện đã ban hành các quyết định phê duyệt hồ sơ khai thác đối với 464,52ha/131quyết định⁷; các hộ hợp đồng đã khai thác 407,02ha/125quyết định⁸; trồng lại sau khai khác là 215,09ha⁹.

- **Công tác phòng cháy chữa cháy rừng:** đến nay, trên địa bàn tỉnh không xảy ra cháy rừng, do các đơn vị chủ rừng đã chủ động thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật về phòng cháy chữa cháy, chăm sóc rừng trồng ...phương tiện trang thiết bị luôn được bố trí đảm bảo theo phương án phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2021-2022. Tiếp tục đôn đốc các đơn vị chủ rừng xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô 2022 – 2023

⁷ Tân Biên: 218,12ha/45quyết định, Tân Châu: 246,4ha/86quyết định

⁸ Tân Biên: 218,12ha/45quyết định, Tân Châu: 188,9ha/80quyết định

⁹ trồng cao su 90,09ha; trồng keo 38,90ha, trồng mì 78,1ha; cây ăn trái 08ha

- **Công tác xử lý vi phạm Luật Lâm nghiệp:** tính đến nay, trên địa bàn xảy ra 61 vụ¹⁰ vi phạm quy định về Luật Lâm nghiệp, giảm 04 vụ so với CK, đã điều tra, xác minh xử lý hành chính 39 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp, chuyển cơ quan điều tra, xác minh xử lý 05 vụ phá rừng trái pháp luật với diện tích 1,63 ha. Tổng số tiền xử phạt và thu nộp ngân sách trên 251 triệu đồng.

- **Về xử lý các sai phạm trên đất lâm nghiệp:** (1) Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND¹¹, đã tiến hành xử lý 346 trường hợp với 512,2 ha đạt 37,4% so với KH, tăng 94,2 ha so với CK; (2) Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND¹² tỉnh đã giải quyết được 191,1ha đối với 62 trường hợp, đạt 67,2% so với KH, bằng CK.

- **Chi trả dịch vụ môi trường rừng:** đã thu được 4.080,7 triệu đồng, đạt 70,4% KH; dự kiến cuối năm hoàn thành thu 5.800,2 triệu đồng đạt 100% KH. Tổng số tiền chi trả cho chủ rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng là 2.226,7 tỷ đồng, đạt 99,2% tổng thu.

Như vậy, nhìn chung trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 dần được kiểm soát, sản xuất nông nghiệp dần được phục hồi, các dịch bệnh như khảm lá cây khoai mì, tả lợn Châu phi, viêm da nổi cục trên gia súc đã cơ bản được kiểm soát và không xảy ra dịch bệnh nguy hiểm khác trên cây trồng, vật nuôi đã góp phần vào động lực tăng trưởng trong năm của ngành. Về sản lượng các cây trồng, vật nuôi chủ lực ước năm 2022: Ngoại trừ giảm nhẹ sản lượng cao su (-1.280 tấn) do giảm diện tích, sản lượng các loại cây trồng chủ lực của tỉnh đều ước tăng so với CK. Cụ thể: mì tăng 56.500 tấn, mía tăng 16.671 tấn, cây ăn quả tăng 12.071 tấn, rau thực phẩm tăng 6,556 tấn, sản lượng thịt gia cầm tăng 9.100 tấn, sản lượng thịt heo tăng 5.700 tấn; trứng tăng 50.000 ngàn quả. Như vậy, với các kết quả ước sản xuất như trên dự báo đến cuối năm 2022, tăng trưởng của ngành đạt từ 2,2% trở lên.

(Chi tiết các chỉ tiêu và động lực phát triển của ngành Nông nghiệp xem phụ lục I, II gửi kèm)

4. Công tác khuyến nông, ứng dụng khoa học công nghệ và hỗ trợ phát triển sản xuất

Các đề án, dự án, mô hình khuyến nông, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất tiếp tục được ngành tích cực triển khai thực hiện ngay từ đầu năm theo kế hoạch, cụ thể:

- Triển khai thực hiện 10 mô hình khuyến nông¹³, công tác triển khai thực hiện các mô hình đảm bảo đạt hiệu quả kỹ thuật và chất lượng; đúng quy định về tài chính; địa

¹⁰ 16 vụ phá rừng, 14 vụ khai thác rừng, 07 vụ vận chuyển, buôn bán lâm sản, 02 vụ chế biến gỗ và lâm sản, 22 vụ vi phạm khác

¹¹ Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch xử lý vi phạm trồng cây nông nghiệp trái quy định trên đất quy hoạch lâm nghiệp tại Khu rừng Văn hóa – Lịch sử Chàng Riệp và khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng.

¹² Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch xử lý tài sản (cây trồng) trên đất khi thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp trùng trên đất quy hoạch lâm nghiệp và các trường hợp có Hợp đồng, Giấy xác nhận cho trồng cây không đúng mục đích, sai quy hoạch lâm nghiệp

¹³ 04 mô hình trên lĩnh vực trồng trọt; 02 mô hình trên lĩnh vực chăn nuôi và 3 mô hình trên lĩnh vực thủy sản: (1) mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, quy mô 60 ha, (2) mô hình trình diễn trên rau ăn quả các loại (bí đỏ, bí xanh, dưa leo, khổ qua) quy mô 13 ha; (3) mô hình trồng thâm canh khoai mì quy mô 6 ha; (4) mô hình trồng thâm canh sầu riêng, quy mô 7 ha; (5) mô hình chăn nuôi vịt thịt an toàn sinh học, quy mô 3.000 con; (6) mô hình nuôi dê sinh sản, quy mô 33 con, (7) mô hình nuôi cá lóc trong ao (bể), quy mô 0,37 ha; (8) mô hình nuôi bán thâm canh cá rô đồng kết hợp lúa, quy mô 0,5 ha, (9) Nuôi thâm canh cá thát lát, quy mô 0,2 ha; (10) mô hình nuôi thâm canh tôm càng xanh trong ao, quy mô 0,5 ha.

điểm triển khai các mô hình theo đúng mục tiêu của đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp; đề án chuỗi giá trị của tỉnh. Dự kiến đến cuối năm các mô hình hoàn thành đầy đủ các nội dung theo kế hoạch, đúng diện tích, quy mô, đạt được mục tiêu hỗ trợ, nhân rộng và phát triển sản xuất. Bên cạnh đó, Ngành cũng tham mưu UBND tỉnh ban hành Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh nhằm góp phần đẩy mạnh công tác khuyến nông đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp

- Phối hợp với các viện, trường thực hiện 03 mô hình trên sản: (1) Mô hình sản xuất sản thương phẩm sạch bệnh 57 ha tại huyện Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành; (2) theo dõi đánh giá tính ổn định năng suất giống sản HN5, HN3 tại Tây Ninh; (3) khảo nghiệm tính kháng của 07 giống sản kháng bệnh khảm lá., hiện Viện di Truyền nông nghiệp đã công bố tính kháng của 06 giống (HN1,HN5,HN3,HN36,HN80,HN97). Dự kiến sẽ xây dựng 03 mô hình trình diễn sản xuất trên các giống sản đã được đánh giá, khảo nghiệm này trong giai đoạn 2023 – 2025.

- Đã tổ chức 04 chuyến học tập kinh nghiệm¹⁴ và 07/08 cuộc hội thảo chuyên đề cấp tỉnh¹⁵ tạo điều kiện cho nông dân trên địa bàn tỉnh được tiếp cận những mô hình sản xuất nông nghiệp hay, hiệu quả, phù hợp với điều kiện tự nhiên tỉnh Tây Ninh để vận dụng vào thực tế; các chính sách ưu đãi, tăng cường tính kết nối, liên kết sản xuất với các tỉnh. Ngoài ra, đã tham mưu các cấp có thẩm quyền ban hành và áp dụng định mức kỹ thuật mới trong các chương trình, dự án khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Liên kết sản xuất – tiêu thụ được quan tâm xây dựng trên các sản phẩm như: măng cầu, chuối, lúa, heo, gà.....Phối hợp với các doanh nghiệp thực hiện 03 chuỗi¹⁶ cung ứng thịt heo an toàn gồm 98 cửa hàng. Ước tỷ lệ sản xuất liên kết trong chăn nuôi cuối năm đạt 33% (tăng 7% so với CK).

- Việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất cũng được tăng cường thực hiện: (1) Hỗ trợ ứng dụng phần mềm truy xuất nguồn gốc điện tử KIPUS tại tỉnh Tây Ninh cho 53 tổ chức, cá nhân với tổng diện tích là 212,5 ha, vượt 96,3% so KH. Lũy kế đến nay, đã triển khai cho 247 tổ chức, cá nhân thực hiện với tổng diện tích 1.718,81 ha cây ăn quả và cấp 50.000 tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho 09 cơ sở; (2) Hướng dẫn, hỗ trợ các vùng trồng, cơ sở đóng gói trái cây có nhu cầu xuất khẩu hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị Cục Bảo vệ thực vật cấp mới mã số xuất khẩu. Trong năm 2022, toàn tỉnh có 03 vùng trồng (sầu riêng, xoài thái, chuối) và 02 cơ sở đóng gói (chuối) được cấp mã số xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và Hoa Kỳ; (3) Phát triển cơ giới hóa trên nhiều khâu chăm sóc với các loại máy: xới cỏ, tưới phun, tưới nhỏ giọt, hệ thống tưới nước và phân bón. Hệ thống nhà lưới, nhà màng kết hợp các kỹ thuật tưới tiết kiệm, cung cấp dinh dưỡng qua hệ thống tưới, điều tiết ẩm độ, ánh sáng cho gần 120 ha (đưa lưới 35 ha, hoa lan 85 ha); kỹ thuật tưới phun mưa, nhỏ giọt cho các loại cây trồng mía, mì, cây ăn quả với tổng diện tích đạt 114.560 ha. Ước năm 2022, tỷ lệ diện tích áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh đạt 30%, tăng 1% so năm 2021; tỷ lệ giá trị sản phẩm

¹⁴ Học tập kinh nghiệm 04 mô hình: (1) mô hình lúa - tôm tại thành phố Cần Thơ và tỉnh Kiên Giang; (2) mô hình nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Đồng Tháp; (3) mô hình trồng rừng sản xuất tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà tỉnh Đồng Nai và Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ; (4) mô hình nông nghiệp tại tỉnh Cà Mau.

¹⁵ (1) Hội thảo quy trình nuôi cá chình bông có hiệu quả kinh tế cao tại Tây Ninh; (2) Hội thảo “Hỗ trợ quy trình chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) trong lĩnh vực nông nghiệp”; (3) Hội thảo “Kỹ thuật canh tác, phòng trừ sâu bệnh hại trên cây sầu riêng”; (4) Hội thảo triển khai Chính sách trong Nông nghiệp; (5) quy trình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP; (6) ứng dụng tiến bộ KHKT nuôi thâm canh tôm càng xanh; (7) mô hình nuôi thâm canh cá lóc trong ao, bể.

¹⁶ Gồm: chuỗi của hệ thống Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam: 20 cửa hàng; chuỗi của hệ thống siêu thị Coop mart: 8 cửa hàng; chuỗi của hệ thống siêu thị Bách hóa xanh: 70 cửa hàng.

nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 36,9% (tăng 0,3% so CK); (4) Đang tham mưu cấp thẩm quyền ban hành đề án Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Tây Ninh và đề án Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao huyện Tân Châu làm cơ sở thu hút đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất.

5. Hoạt động chế biến nông sản

5.1. Chế biến mía đường

Nhà máy đường Thành Thành Công - Biên Hoà đã ký hợp đồng đầu tư và bao tiêu niên vụ 2021 - 2022 với diện tích mía đã trồng, đầu tư và chăm sóc là 13.422 ha, trong đó: đầu tư trong tỉnh là 4.514 ha; đầu tư tại Campuchia là 8.908 ha.

Hiện tại, các nhà máy đường trên địa bàn tỉnh đã ngừng hoạt động do kết thúc vụ, kết quả sản xuất như sau: lượng mía đưa vào sản xuất là 826.550 tấn mía, giảm 0,3% so CK; lượng đường sản xuất là 73.588 tấn đường; chữ đường bình quân là 9,36 CCS; tạp chất bình quân là 4,48%; tỷ lệ xơ bình quân 17,89%. Giá thu mua mía cơ bản 10 CCS tại ruộng là 900.000 đồng/tấn (tháng cuối vụ là 1.090.000đ/tấn), tăng 80.000 đồng/tấn so với CK, ngoài ra có hỗ trợ thu hoạch, hoàn thành hợp đồng, các khoảng thưởng và bảo hiểm chữ đường 9CCS.

- Công tác giám sát chữ đường: tổng số mẫu được kiểm tra, giám sát là 344 mẫu lưu (dịch mía ép) đem kiểm tra đối chứng tại chỗ; đem kiểm tra đối chứng Trung tâm 3 (TT3) 179 mẫu dịch mía ép và 06 mẫu xơ mía; kết quả như sau: (1) kiểm tra đối chứng tại chỗ 344 mẫu đo thấp hơn kết quả đo của công ty; (2) kiểm tra đối chứng tại TT3: 178 mẫu đo tại TT3 có kết quả thấp hơn kết quả đo của công ty, 06 mẫu xơ có tỷ lệ phần % cao hơn kết quả của công ty; 01 mẫu của TT3 kết quả cao hơn của công ty. Đoàn giám sát đã đề nghị công ty thanh toán cho nông dân theo kết quả của TT3.

5.2. Chế biến mì

Ước khối lượng củ mì đưa vào chế biến khoảng 3.900.129 tấn, tăng 2,2% so với CK, sản xuất được 975.032 tấn bột (sản xuất công nghiệp là 3.315.109 tấn củ, sản xuất được 828.777 tấn bột; cơ sở vừa và nhỏ là 585.019 tấn củ, 146.254 tấn bột). Giá thu mua củ mì tươi dao động từ 3.000 – 3.300 đồng/kg (30 chữ bột) tùy khu vực và thời điểm.

6. Thủy lợi, nước sạch và VSMTNT, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

6.1. Công tác thủy lợi

Triển khai xây dựng đề cương nhiệm vụ Đề án phát triển tổng thể đa mục tiêu hồ Dầu Tiếng; chỉ đạo đơn vị quản lý, vận hành hồ chứa, công trình thủy lợi tổ chức kiểm tra diện tích, biện pháp tưới, lấy ý kiến, xác nhận diện tích hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi vụ Đông Xuân 2021-2022, vụ Hè Thu 2022, vụ Mùa 2022; tổ chức Hội nghị sơ kết công tác cấp nước phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân năm 2021-2022 và xây dựng Kế hoạch cấp nước vụ Hè Thu năm 2022 nhằm điều tiết đảm bảo nguồn nước tưới vụ Đông Xuân 2021-2022 và cả năm 2022; dự kiến đảm bảo tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2022 đạt 148.390 ha¹⁷ cung cấp đủ nước công nghiệp và sinh hoạt đạt 6,45 triệu m³, đạt 100% KH.

¹⁷ Vụ Đông Xuân năm 2021 – 2022 là 47.728,41 ha, vụ Hè Thu năm 2022 là 50.292,84 ha và vụ Mùa năm 2022 là 51.509,72 ha; Ước giá trị kinh phí hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi nghiệm thu, thanh lý hợp đồng Vụ Đông Xuân 2021-2022: 21,131 tỷ đồng vượt 4,8% KH vụ và tăng 4,9% so với CK.

Thực hiện sửa chữa kênh mương với kinh phí 24,3 tỷ đồng/26 hạng mục (nguồn sự nghiệp thủy lợi 3,5 tỷ đồng, nguồn kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi 20,8 tỷ đồng), ước thực hiện đạt 100% KH.

Công tác xử lý vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đã thực hiện xử lý 300/766 trường hợp vi phạm trồng cây lâu năm, xây hàng rào, xây nhà tạm, công trình phụ, trụ điện ra khỏi phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đạt 39,1% KH, tăng 5,6% so với CK.

Ngoài ra, trình UBND tỉnh: ban hành Quyết định ban hành Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Báo cáo công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025; thực hiện Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh...

6.2 Nước sạch và VSMTNT

Công tác quản lý, vận hành và khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn được ngành quan tâm thực hiện. Ngành đang quản lý, vận hành và khai thác 70 công trình cấp nước với tổng chiều dài tuyến ống cấp nước 502,4 km; tổng công suất thực tế 11.126/12.509 m³/ngày đêm, cấp nước cho 20.562/22.388 hộ dân (đạt 91,84% số hộ thực tế), đa số công trình cấp nước có công nghệ xử lý nước đơn giản, quy mô, công suất nhỏ, công suất thiết kế từ 50 đến 500 m³ /ngày.đêm, hoạt động liên tục 16 giờ/ngày (từ 5 giờ đến 21 giờ), cấp nước cho khu vực dân cư tập trung từ 50-500 hộ dân; thu tiền nước tính đến cuối tháng 10 đạt 14.156 triệu đồng, nợ thu tiền nước 377,5 triệu đồng (chiếm tỷ lệ nợ 2,67%).

Đã hoàn chỉnh phương án giá nước sạch nông thôn gửi Sở Tài chính xem xét, thẩm định trình UBND tỉnh quyết định ban hành. Hoàn chỉnh đề xuất dự án Nước sạch và Vệ sinh nông thôn bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh nguồn vốn vay WB theo kiến nghị của Bộ Tài chính, Nhóm hỗ trợ tư vấn của dự án và Ngân hàng Thế giới.

Thực hiện kiểm tra, giám sát tại 22 công trình cấp nước tập trung và lấy mẫu giám sát chất lượng nước định kỳ tại 64 công trình cấp nước tập trung. Nâng cấp sử dụng công nghệ bơm biến tần cho 24 công trình và ứng dụng phần mềm quản lý mạng lưới cấp nước CityWork trong công tác quản lý, vận hành nhằm đảm bảo cung cấp đủ nước và đạt chất lượng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân. Ước tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh cả năm đạt 99,4%; Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt cả năm đạt 66% (bằng 100%KH, tăng 2% so với cùng kỳ).

6.3. Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT và TKCN)

Tham mưu UBND tỉnh: phê duyệt đề cương, dự toán dự án “Xây dựng bản đồ cảnh báo ngập lụt vùng có nguy cơ thiệt hại do thiên tai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh”, ban hành kịp thời các Kế hoạch, báo cáo¹⁸ về PCTT và TKCN, triển khai thực hiện Đề

¹⁸ Kế hoạch PCTT và TKCN năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Chỉ đạo tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia phòng, chống thiên tai năm 2022; Báo cáo tình hình triển khai và đề xuất nội dung sửa đổi Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2021, triển khai nhiệm vụ năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Báo cáo các hoạt động phòng, chống thiên tai phục vụ công tác kiểm tra của Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai...

án Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS để tích hợp dự báo mực nước tại hồ chứa, dự báo lũ, ngập lụt có nguy cơ xảy ra trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Thường xuyên thông tin về thiên tai, bản tin dự báo thiên tai (mưa lớn, sét, dông) có nguy cơ xảy ra tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, cung cấp thông tin kịp thời (zalo, email) giúp Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp chủ động chỉ đạo, điều hành và giảm nhẹ ảnh hưởng do thiên tai gây ra. Triển khai 07 lớp tập huấn Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2022 với sự tham gia của 560 người.

Kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn công trình đập, hồ chứa nước, công trình thủy lợi theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; chỉ đạo đơn vị quản lý công trình thủy lợi thực hiện vận hành công trình thủy lợi, hồ chứa theo quy trình vận hành đã được phê duyệt; đơn đốc rà soát hạ tầng thủy lợi, công trình PCTT, đê bao, kênh tiêu theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025

Tính đến cuối tháng 10/2022 trên địa bàn tỉnh xảy ra 97 vụ thiên tai (mưa lớn, lốc, sét) gây thiệt hại 654 căn nhà, 11.659 ha cây trồng, tổng giá trị thiệt hại 54.731 triệu đồng¹⁹. Thu quỹ PCTT năm 2022 đạt 4.594 triệu đồng, tồn Quỹ PCTT tỉnh Tây Ninh chưa sử dụng 31.872 triệu đồng. Hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2022: 1.939 triệu đồng, tăng 641 triệu đồng so với năm 2021²⁰; dự kiến cuối năm 2022 trình UBND tỉnh hỗ trợ thiệt hại do thiên tai năm 2022 trên địa bàn huyện Gò Dầu, Bến Cầu, Châu Thành và thị xã Trảng Bàng, với kinh phí 13.331 triệu đồng/7.248 ha/4.232 hộ.

7. Tình hình thực hiện xây dựng cơ bản

Thông báo kết quả thẩm định 32 hạng mục, công trình; phối hợp các Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình và thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng 38 hạng mục.

Trong năm, Sở thường xuyên tổ chức họp giao ban hằng tháng để giải quyết khó khăn, vướng mắc và chỉ đạo các đơn vị chủ đầu tư theo dõi, đơn đốc, báo cáo tiến độ thi công và giải ngân kế hoạch vốn được giao năm 2022 đặc biệt là đối với các dự án trọng điểm²¹. Tổng số dự án thực hiện năm 2022 là 38 dự án, gồm: 13 dự án chuẩn bị đầu tư, 10 dự án chuyển tiếp và 15 dự án khởi công mới; kế hoạch đầu tư XDCB năm 2022 là 248.251 triệu đồng (ngân sách Trung ương 164.700 triệu đồng, ngân sách địa phương 83.551 triệu đồng); kết quả giải ngân từ đầu năm đến ngày 30/9/2022: 184.123 triệu đồng, đạt tỷ lệ 74,2%, ước kết quả giải ngân năm 2022: 248.251 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%.

(Chi tiết xem phụ lục III, IV kèm theo)

8. Chương trình Mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) và các chương trình phát triển nông thôn khác

8.1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Tham mưu UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 về quy định tỉnh Tây Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 –

¹⁹ so với 10 tháng đầu năm 2021 : giảm 699 vụ thiên tai, 08 người bị thương, 146 căn nhà bị hư hại; tăng 10.354 ha cây trồng bị ảnh hưởng nhưng giá trị thiệt hại tăng 16.678 triệu đồng.

²⁰ hỗ trợ thiệt hại về sản xuất nông nghiệp do thiên tai năm 2021 trên địa bàn huyện Dương Minh Châu, Gò Dầu, thị xã Trảng Bàng, Tân Biên 1.918 triệu đồng/605 hộ/738 ha/05 xã; hỗ trợ dân sinh 21 triệu đồng.

²¹ Tuyến tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông; Kênh tiêu Tân Hiệp; Nạo vét kênh tiêu Biên Giới; Kênh tiêu Suối Ông Hùng, Nâng cấp sửa chữa HTCN Khu dân cư Sài Gòn 2, Tân Hòa, Tân Châu...

2025; Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và các văn bản hướng dẫn bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

Tiếp tục duy trì 55/71 xã đã đạt chuẩn NTM, 08 xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao và 01 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ NTM năm 2021; phần đầu cuối năm 2022 tăng thêm 06 xã đạt chuẩn NTM, 08 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 03 huyện, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM lên 61 xã (chiếm 86%), tổng số xã đạt chuẩn NTM nâng cao lên 16 xã (chiếm 22,2%), 04 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; trong đó 100% xã biên giới đạt chuẩn NTM. Số tiêu chí bình quân/xã là 18,3 tiêu chí. Tổ chức đánh giá, công nhận, công bố sản phẩm OCOP, dự kiến khoảng 35-40 sản phẩm được công nhận. Lũy kế đến cuối năm 2022, trên địa bàn tỉnh có 60 – 65 sản phẩm OCOP.

8.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành: Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Nghị Quyết quy định về nội dung, mức hỗ trợ đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025.

Báo cáo đánh giá thực hiện Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 29/3/2018 và Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 về mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018-2020.

8.3. Về quy hoạch, bố trí và ổn định dân cư

Trình UBND tỉnh triển khai Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030; báo cáo kết quả thực hiện bố trí dân cư giai đoạn 2021 – 2022 và xây dựng kế hoạch giai đoạn 2023 – 2025 thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; triển khai Công văn số 5668/BNN-KTHT ngày 29/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Kết quả thực hiện 03 dự án bố trí dân cư:

+ Hiện đang đôn đốc UBND huyện lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án 02 Cụm dân cư : (1) Dự án Cụm dân cư ấp Long Cường, xã Long Khánh với diện tích 02 ha quy mô 45 hộ; (2) Cụm dân cư ấp Long Hưng, xã Long Thuận huyện Bến Cầu, với diện tích 02 ha quy mô 45 hộ, dự kiến thực hiện giai đoạn: 2023 – 2025 với kinh phí dự kiến 50.000 triệu đồng.

+ Cụm dân cư Tổ 7, ấp Con Trăn, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu dự kiến quy mô 150 hộ, tổng vốn đầu tư 18.357,3 triệu đồng. Hiện UBND huyện Tân Châu đã có báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, Sở đã phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất

đưa vào đầu tư công giai đoạn 2023 – 2025 thực hiện theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

8.4. Phát triển kinh tế tập thể

Trình UBND tỉnh đăng ký nhu cầu đào tạo Giám đốc hợp tác xã gửi về Bộ xem xét; phối hợp với Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn đăng ký lựa chọn 04 hợp tác xã nông nghiệp tham gia Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình hợp tác xã điển hình giai đoạn 2022 – 2025; hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp, trang trại nông nghiệp tham gia tập huấn ứng dụng chuyển đổi số trong nông nghiệp phần mềm nhật ký sản xuất FaceFarm và phần mềm kế toán hợp tác xã; ban hành điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm đối với hợp tác xã nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025.

- *Hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN)*: toàn tỉnh có 115 HTXNN hoạt động theo Luật HTX năm 2012, tăng 10 HTX so với CK, đạt 100% so KH. Số HTXNN hoạt động hiệu quả chiếm 75%; 25% HTXNN ứng dụng công nghệ cao; 65% HTXNN tham gia chuỗi liên kết. Doanh thu bình quân hàng năm của HTXNN là 1.100 triệu đồng; lãi bình quân hàng năm là 370 triệu đồng; thu nhập bình quân lao động thường xuyên trong HTXNN là khoảng 60 triệu đồng/lao động/năm.

- *Tổ hợp tác nông nghiệp (THTNN)*: toàn tỉnh có 96 THTNN với 1.600 thành viên (tăng 01 THTNN so CK), thu nhập bình quân lao động thường xuyên trong THT là khoảng 50 triệu đồng/lao động/năm.

8.5. Công tác đào tạo nghề nông nghiệp

- *Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn*: hướng dẫn thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Ước thực hiện năm 2022 đào tạo nghề nông nghiệp²² khoảng 86 lớp với số lượng 2.790 học viên, kinh phí dự kiến hỗ trợ là 4.734 triệu đồng (ngân sách TW 2.846 triệu đồng, ngân sách địa phương 1.888 triệu đồng).

- *Phát triển ngành nghề nông thôn*: tham mưu UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 2182/KH-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Tây Ninh năm 2022. Phối hợp UBND huyện Gò Dầu tổ chức Lễ công bố Quyết định của UBND tỉnh công nhận nghề truyền thống Tráng bánh tráng thủ công tại ấp Cây Trắc, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Việc phát triển ngành nghề nông thôn giúp nâng cao chất lượng sản phẩm truyền thống của tỉnh từ đó đủ điều kiện đăng ký xét công nhận là sản phẩm OCOP nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm thông qua các hội chợ triển lãm giới thiệu, kết nối tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài tỉnh

8.6. Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Tổ chức kiểm tra và chi tiền hỗ trợ dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt mức hỗ trợ lãi vay trong năm 2020, 2021 theo quy định: 11/13 dự án²³, đạt 84,6%; giải ngân kinh

²² 11 nhóm nghề nông nghiệp (kỹ thuật nhân giống vô tính, kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo vệ thực vật, phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng; kỹ thuật chăn nuôi, phòng trừ dịch bệnh trên vật nuôi, thủy sản; kỹ thuật sơ chế, bán quản chế biến nông sản, thủy sản, kỹ thuật khai thác mỏ cao su...); 18 nhóm nghề phi nông nghiệp (may, đan, lát, làm nhang, nấu ăn, làm bánh tráng, làm mộc, sửa chữa xe máy, máy nông nghiệp, điện dân dụng, trang điểm làm đẹp...)

²³ còn 02 dự án chưa thực hiện do 01 dự án chưa có chứng nhận VietGAP nên nhà đầu tư chưa gửi hồ sơ; 01 dự án không còn nhu cầu vay thụ hưởng hỗ trợ dự án.

phí 2.416,4/3.000 triệu đồng, đạt 80,5% kinh phí giao. Lũy kế đến nay các chính sách đã thực hiện hỗ trợ được 20 dự án với kinh phí hỗ trợ 8.711,7 triệu đồng.

- Phê duyệt mức hỗ trợ dự án liên kết sản xuất, xay xát và tiêu thụ lúa gạo chất lượng cao theo hướng VietGAP do Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Lúa Vàng Việt thực hiện với kinh phí 32,1 tỷ đồng. Hiện nay, đang thẩm định dự án hỗ trợ liên kết trồng dưa lưới ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao đạt tiêu chuẩn VietGAP hoặc GlobalGAP trên địa bàn tỉnh Tây Ninh của Hợp tác xã Thương mại, Dịch vụ nông nghiệp Phúc Lợi.

- Hướng dẫn các địa phương khẩn trương rà soát và đăng ký các cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản để đảm bảo giải ngân đạt 100% KH vốn năm 2022. Từ đầu năm đến nay có 19/36 hồ sơ đăng ký thuộc lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi đáp ứng theo yêu cầu của Hướng dẫn số 1736/HD-SNN ngày 16/5/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT, đã thông báo đến các cơ sở và theo dõi việc triển khai thực hiện.

9. Xúc tiến thương mại, mời gọi đầu tư

Vận động các chủ thể OCOP, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia “Hội chợ giới thiệu, quảng bá các sản phẩm OCOP và đặc sản Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh năm 2022”; tham gia 06 gian hàng tại Diễn đàn sản phẩm OCOP Đồng Tháp và các tỉnh ĐBSCL năm 2022 “Liên kết cùng phát triển”; 05 gian hàng tại Hội chợ Thương mại Festival Huế năm 2022; 03 gian hàng tại Lễ hội bánh tráng phơi sương được tổ chức ở Trảng Bàng.

Thực hiện phóng sự tổng hợp các sản phẩm OCOP đặc trưng, du lịch tỉnh Tây Ninh; tổ chức lớp tập huấn chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh nông sản và sản phẩm OCOP; in sổ tay giới thiệu sản phẩm OCOP, triển khai thí điểm phần mềm OCOP để việc thông tin, quảng bá sản phẩm OCOP của tỉnh.

Hướng dẫn Công ty Cổ phần Anova Farm khảo sát các địa điểm phù hợp trên địa bàn tỉnh để đề xuất Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình được xây dựng và vận hành theo tiêu chuẩn công nghệ cao với tổng vốn đầu tư ban đầu dự kiến 1.740 tỷ đồng. Hỗ trợ thực hiện các dự án của tập đoàn Hùng Nhơn (trại gà giống ở xã Tân Hội với diện tích 39,57 ha và dự án Giết mổ gia cầm và chế biến thực phẩm ở Trảng Bàng): Công ty đang làm các thủ tục tiếp nhận đất đai, đồng thời đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn để triển khai các thủ tục đánh giá tác động môi trường, Quy hoạch chi tiết 1/500, thiết kế cơ sở, PCCC và Giấy phép xây dựng. Hướng dẫn Công ty Lục Diệp khảo sát thực địa đầu tư dự án nông nghiệp công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, thực hiện liên kết phát triển vùng với các tỉnh, thành: TP.HCM, Long An, Bình Phước, Bình Dương,...

10. Công tác thanh tra, kiểm tra; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm

Triển khai thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra trên nhiều lĩnh vực (phân bón và bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm,...)²⁴. Tính đến nay, đã thực hiện hoàn thành 14/16 cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch²⁵ đề ra;

²⁴ Theo Quyết định số 350/QĐ-SNN ngày 14/12/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra năm 2022;

²⁵ 01 cuộc thanh tra hành chính, 15 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; **Tổ chức 02 lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến pháp luật về chất lượng ATTP cho CCVC thực hiện nhiệm vụ ATTP và các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh nông sản thực phẩm trên địa bàn tỉnh**

còn 02 cuộc đang triển khai thực hiện. Ngoài ra, còn thực hiện 07 cuộc thanh tra, kiểm tra đột xuất, cụ thể:

10.1. Thanh tra hành chính (01 cuộc)

Thực hiện thanh tra trách nhiệm thủ trưởng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao tại Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; đã ban hành kết luận thanh tra. Kết quả còn một số thiếu sót về thủ tục, biểu mẫu trong quá trình thực hiện đấu thầu; thiếu kiểm tra, giám sát việc lắp đặt 10 pano tuyên truyền tại 10 xã nông thôn mới của năm 2021 dẫn đến có 03 pano được nhà thầu lắp đặt không đúng nội dung trong hợp đồng nhưng vẫn được Trung tâm nghiệm thu, thanh lý hợp đồng. Hiện đã xử lý kiểm điểm trách nhiệm 04 cá nhân.

10.2. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành (22 cuộc, trong đó 15 cuộc theo Kế hoạch, 07 cuộc đột xuất)

- *Lĩnh vực phân bón và bảo vệ thực vật*: thực hiện 05 cuộc thanh tra, kiểm tra (trong đó 01 cuộc đột xuất) tại 91 cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng; lấy 235 mẫu (149 mẫu phân bón, 75 mẫu thuốc bảo vệ thực vật, 11 mẫu hạt giống) kiểm tra chất lượng. Kết quả 20/91 cơ sở vi phạm điều kiện sản xuất, kinh doanh và nhãn hàng hóa; về chất lượng mẫu (46/235 mẫu vi phạm chất lượng, trong đó: 29 mẫu không đạt chất lượng, 17 mẫu giả). Kết quả xử phạt và tham mưu cấp thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính 36 trường hợp với tổng số tiền 589.947.500 đồng, hiện đang tiếp tục xử lý vi phạm; đồng thời, đang triển khai thực hiện 01 cuộc (thanh tra về phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng).

- *Lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y*: thực hiện 03 cuộc thanh tra, kiểm tra (trong đó 01 cuộc đột xuất) tại 31 cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; lấy 83 mẫu (thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y) kiểm tra chất lượng. Kết quả 03/31 cơ sở vi phạm điều kiện sản xuất, kinh doanh; về chất lượng mẫu (19/83 mẫu vi phạm chất lượng, trong đó: 14 mẫu không đạt chất lượng, 05 mẫu giả). Kết quả xử phạt vi phạm hành chính 13 trường hợp với số tiền 318.000.000 đồng.

- *Lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm*: thực hiện 06 cuộc kiểm tra (trong đó 03 cuộc đột xuất) tại 64 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; lấy 49 mẫu thực phẩm các loại kiểm nghiệm. Kết quả 07/64 cơ sở sản xuất thực phẩm vi phạm về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm, nhãn hàng hóa, nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm; về chất lượng mẫu (04/49 mẫu không đạt chất lượng). Kết quả xử lý vi phạm hành chính 10 cơ sở với số tiền 492.000.000 đồng²⁶; đồng thời hiện đang thực hiện 01 cuộc (kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật đối với các cơ sở giết mổ).

- *Lĩnh vực chăn nuôi*: thực hiện 04 cuộc kiểm tra (trong đó 02 cuộc đột xuất) tại 47 cơ sở chăn nuôi; lấy 22 mẫu thức ăn chăn nuôi, 04 mẫu nước thải kiểm tra chất lượng. Kết quả 03/22 mẫu thức ăn không đạt chất lượng; 04/04 mẫu nước thải không đạt chất lượng. Kết quả xử phạt vi phạm hành chính và tham mưu cấp thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính 10 cơ sở với số tiền 269.500.000 đồng.

- *Lĩnh vực thủy lợi*: thực hiện 01 cuộc thanh tra việc chấp hành quy định trong công tác khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đối với Công ty

²⁶ Xử phạt vi phạm hành chính và tham mưu cấp thẩm quyền xử phạt 05 trường hợp với số tiền 428.000.000 đồng; đồng thời chuyển 02 trường hợp qua Sở Y tế xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 16.000.000 đồng; 03 trường hợp qua Sở Công Thương xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 48.000.000 đồng.

TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh. Kết quả trong công tác quản lý, khai thác các công trình được cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi còn thiếu sót các công việc như: công tác kiểm tra, giám sát hệ thống kênh chưa kịp thời và thường xuyên, chưa quyết liệt trong việc phát hiện, phối hợp, xử lý vi phạm và còn tồn tại 04 trường hợp vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi chưa thực hiện các biện pháp xử lý). Kết quả xử lý: Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh tổ chức kiểm điểm trách nhiệm các tổ chức, cá nhân liên quan, rút kinh nghiệm, thực hiện chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các biện pháp xử lý vi phạm theo quy định; kiểm tra, giám sát thường xuyên, tránh để xảy ra trường hợp tái vi phạm, đảm bảo an toàn và hoạt động của công trình thủy lợi.

- *Lĩnh vực lâm nghiệp*: thực hiện 01 cuộc thanh tra (việc cá nhân, tổ chức chế biến, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh) tại 05 cơ sở. Kết quả 02/05 cơ sở vi phạm (01 cơ sở chưa thực hiện ghi chép, cập nhật trong quá trình nhập lâm sản về cơ sở để chế biến; 01 cơ sở trong quá trình chế biến và xuất lâm sản (gỗ) không có hồ sơ lưu trữ theo quy định. Kết quả xử lý (xử phạt vi phạm hành chính 02 cơ sở với số tiền 8.500.000 đồng).

11. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng

Thực hiện việc tiếp công dân; tiếp nhận, xử lý đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định. Đến nay đã tiếp 04 lượt công dân; xử lý và giải quyết đúng quy định 06/08 trường hợp đơn kiến nghị, phản ánh (đang giải quyết 02/08 trường hợp); 01/01 trường hợp đơn khiếu nại (không thuộc thẩm quyền giải quyết); không phát sinh đơn tố cáo.

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2022 về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đồng thời phối hợp, hướng dẫn chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật. Tính đến nay, không phát sinh trường hợp phải xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

Đến ngày 31/10/2022, Ngành đã tiếp nhận 31 ý kiến kiến nghị cử tri (YKKNCT) liên quan đến các lĩnh vực do Ngành quản lý (chăn nuôi, trồng trọt, thủy lợi, nước sạch, trồng rừng, làng nghề). Kết quả: đã được giải quyết dứt điểm: 9 YKKNCT; đã trả lời và đang tiếp tục theo dõi kết quả là: 22 YKKNCT.

12. Cải cách hành chính, chuyển đổi số, sắp xếp, tổ chức bộ máy và công tác cán bộ

Ước đến cuối năm 2022, Sở tiếp nhận và xử lý 15.000 văn bản và ban hành 6.000 văn bản, 100% văn bản đi và đến được xử lý thông qua hệ thống xử lý văn bản điện tử eGov của ngành; duy trì ứng dụng ký chữ ký số trong việc phát hành văn bản tại các phòng và đơn vị trực thuộc Sở.

Công tác cải cách hành chính luôn được Lãnh đạo Sở tập trung chỉ đạo thực hiện, triển khai kịp thời đến các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Ngành. Qua rà soát, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành đang thực hiện gồm 108 TTHC, trong đó: cấp tỉnh 85 thủ tục, cấp huyện 14 thủ tục, cấp xã 09 thủ tục. Phần lớn TTHC cấp tỉnh được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. Đến ngày 31/10/2022,

Sở đã tiếp nhận 3.246 hồ sơ TTHC, trong đó, đã giải quyết 3226 hồ sơ (đúng hạn 3224, quá hạn 02 (do kết thúc trễ trên hệ thống điện tử, trả kết quả thực tế cho người dân đúng hạn), đang giải quyết 20 hồ sơ; ước đến hết năm 2022, có 100% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn và đúng quy định cho người dân và doanh nghiệp. Thực hiện thí điểm việc tiếp nhận hồ sơ TTHC qua Dịch vụ công trực tuyến và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích đối với một số TTHC thuộc thẩm quyền của Sở; đến nay Sở đã tiếp nhận và xử lý 121 hồ sơ trực tuyến. Tiếp tục duy trì thực hiện mục tiêu, xây dựng kế hoạch và tổ chức đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2022.

Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động của Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2022; triển khai Đề án chuyển đổi số ngành nông nghiệp, nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, ký kết thỏa thuận hợp tác với Viễn thông Tây Ninh (VNPT) xây dựng chuyển đổi số cho ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, triển khai thí điểm phần mềm OCOP; đăng ký nhu cầu chuyển đổi số năm 2023. Đăng tải trên 250 tin bài về thông tin tình hình hoạt động ngành, tình hình sản xuất và cách phòng, chống các đối tượng sâu bệnh gây hại cây trồng, vật nuôi và quy trình sản xuất một số cây trồng, vật nuôi trên cổng thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và PTNT.

Tiếp tục rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và PTNT theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Rà soát và ban hành 06 Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở và 01 Đề án vị trí việc làm đối với CC của Sở, Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026; Kế hoạch tinh giản biên chế năm 2023. Về công tác cán bộ đã xem xét chọn hơn 100 lượt CCVC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với vị trí việc làm; thực hiện quy trình tuyển dụng 06 công chức, 28 viên chức (56 thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển); ban hành và thực hiện: Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2022; Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2021-2026, nhiệm kỳ 2026-2031; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CCVC năm 2022; Kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2022; Quy chế: làm việc của Sở; xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với CCVCNLD thuộc Sở...

13. Tình hình thực hiện vốn chi thường xuyên

* **Tổng thu:** dự toán tổng thu (phí, lệ phí) năm 2022 là 5.607 triệu đồng, tăng 23% so với thực hiện năm 2021. Ước thực hiện đến năm 2022 là 5.325 triệu đồng, bằng 95% so với dự toán.

* **Tổng chi ngân sách nhà nước:** tổng dự toán được giao năm 2022 là 98.770 triệu đồng, tăng 14,4% so với thực hiện năm 2021. Ước thực hiện cả năm 2022 là 97.859 triệu đồng, đạt 99,1% so với dự toán giao, cụ thể:

- Chi quản lý hành chính: dự toán 30.302 triệu đồng, tăng 6,1% so với năm 2021, ước thực hiện năm 2022 là 29.990 triệu đồng, đạt 98,9% so với dự toán giao.

- Chi sự nghiệp kinh tế: dự toán 62.394 triệu đồng, tăng 9,8% so với thực hiện năm 2021. Ước thực hiện năm 2022 đạt 61.795 triệu đồng bằng 99% dự toán (trong đó: sự nghiệp nông nghiệp là 33.201 triệu đồng; sự nghiệp lâm nghiệp là 23.151 triệu đồng; sự nghiệp thủy lợi 4.643 triệu đồng, sự nghiệp kinh tế khác 800 triệu đồng)

- Chi đảm bảo xã hội và các sự nghiệp khác²⁷: dự toán 1.942 triệu đồng, tăng 3,2 lần so với thực hiện năm 2021. Ước thực hiện năm 2022 là 1.942 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao.

- Chi Chương trình MTQG (vốn ngành quản lý): dự toán 4.132 triệu đồng, tăng 12,1 lần so với năm 2021, ước thực hiện năm 2022 là 4.132 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán giao.

(Chi tiết xem phụ lục IV kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt làm được

Các nội dung trong nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh và Chương trình công tác UBND tỉnh năm 2022 (theo Quyết định số 01/QĐ-UBND và Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 08/01/2022 của UBND tỉnh) đã được ngành tập trung triển khai thực hiện và cụ thể bằng Quyết định số 33/QĐ-SNN ngày 10/02/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT để đảm bảo thống nhất trong công tác chỉ đạo, điều hành góp phần hoàn thành nhiệm vụ phát triển trong năm 2022. Đã lồng ghép các nội dung được giao tại Kế hoạch số 1773/KH-UBND ngày 06/06/2022 của UBND tỉnh²⁸ vào nhiệm vụ của ngành nhất là các nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp sau đại dịch.

Tình hình sản xuất trồng trọt tương đối ổn định, xuống giống và thu hoạch đạt tiến độ KH và tăng so với năm 2021, diện tích sâu bệnh gây hại ở mức nhiễm nhẹ không ảnh hưởng tới năng suất cây trồng, công tác phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng được thực hiện kịp thời; cơ cấu cây trồng chuyển đổi theo định hướng; các mô hình khuyến nông đảm bảo công tác chọn giống, chọn hộ đúng quy trình.

Các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và thủy sản được thực hiện thường xuyên và kịp thời, đảm bảo an toàn dịch bệnh trên địa bàn; kịp thời thẩm định, cho ý kiến các dự án đầu tư phát triển chăn nuôi đúng quy định tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư mạnh dạn đầu tư đóng góp vào tăng trưởng chung của ngành.

Công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh được các đơn vị chủ rừng triển khai thực hiện khá tốt, rừng phát triển ổn định, số vụ vi phạm được kéo giảm so với cùng kỳ, trong năm không để phát sinh cháy rừng trên địa bàn.

Công tác thủy lợi được tập trung thực hiện đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp bằng cách điều tiết nước tưới hợp lý, duy trì mực nước trong kênh trong thời gian cắt nước chuyển vụ đối với các khu vực sản xuất cây ăn quả, rau màu, cây lâu năm.

Các công trình cấp nước được thường xuyên kiểm tra, kịp thời nâng cấp, sửa chữa, đảm bảo việc vận hành cung cấp nước liên tục, ổn định với chất lượng nước đạt quy chuẩn QCVN 02:2009/BYT đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân và đảm bảo đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm.

Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành được quan tâm thực hiện; triển khai đúng kế hoạch, kịp thời; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành trong công tác thanh tra,

²⁷ Gồm: sự nghiệp Giáo dục - đào tạo và dạy nghề; sự nghiệp Khoa học và công nghệ; sự nghiệp Bảo vệ môi trường; Chi bảo đảm xã hội

²⁸ Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình.

kiểm tra về an toàn thực phẩm, vật tư nông nghiệp, chất lượng nông lâm thủy sản. Các trường vi phạm được phát hiện qua thanh tra được xử lý nghiêm, kịp thời theo quy định, công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý.

Công tác cải cách hành chính đạt được những bước tiến đáng khích lệ; các chỉ số CCHC được triển khai đến các phòng, cơ quan, đơn vị bám sát thực hiện; thường xuyên rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC để tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Công tác tổ chức bộ máy và quy hoạch cán bộ thực hiện đảm bảo quy định theo hướng tinh gọn, đảm bảo hiệu quả công việc. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với CCVC luôn được Lãnh đạo Sở đặc biệt quan tâm, chú trọng, nhất là cán bộ trẻ, có năng lực, nhằm tạo nguồn lực lượng kế thừa.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Sản xuất nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn do giá vật tư nông nghiệp đầu vào (phân bón, thuốc BVTV, thức ăn chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp, công lao động tăng mạnh), trong khi giá nhiều sản phẩm nông sản tăng chậm đã ảnh hưởng đến lợi nhuận, của người sản xuất. Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất còn hạn chế, liên kết đầu tư – sản xuất - tiêu thụ vẫn còn chưa chặt chẽ và đạt được hiệu quả như kỳ vọng.

Việc thu hút, mời gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn khó khăn, nông dân và doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư công nghệ, trang thiết bị, ứng dụng CNC do vùng nguyên liệu còn đan xen, khó thực hiện cơ giới hóa; đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố thời tiết khí hậu, dịch bệnh, thị trường, đòi hỏi nguồn vốn lớn, tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Việc thực hiện Quyết định số 1573/QĐ-UBND và nhất là Quyết định số 223/QĐ-UBND trong thời gian qua còn chậm, kéo dài, chưa đảm bảo tiến độ theo KH do nhiều hộ dân gửi đơn khiếu nại, một số trường hợp phải chờ giải quyết Tòa án và ra các thông báo cưỡng chế mới triển khai thực hiện được. Số vụ vi phạm về phá rừng, khai thác, vận chuyển, mua, bán, sử dụng lâm sản trái pháp luật trên địa bàn quản lý tuy có giảm nhưng vẫn còn xảy ra, chưa ngăn chặn triệt để.

Kinh tế hợp tác vẫn còn hạn chế trong khâu quản lý, chưa xây dựng được phương án phát triển sản xuất – kinh doanh, để thu hút được thành viên nên chưa thể hiện vai trò dẫn dắt trong thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp. Mô hình HTXNN kiểu mới quy mô lớn chậm được hình thành và phát triển. Việc triển khai thực hiện chính sách vẫn còn chậm nhất là chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp do trùng hạn mục hỗ trợ của các chính sách khác cũng như quy trình, thủ tục tương đối phức tạp doanh nghiệp ngại tiếp cận.

Cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng; thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y) vì lợi nhuận còn sản xuất VTNN khi chưa có giấy đủ điều kiện sản xuất; kinh doanh các sản phẩm hết hạn, sản phẩm ngoài danh mục cho phép sử dụng; sử dụng chất cấm, chất phụ gia không đúng theo quy định trong sản xuất. Việc thông tin các công ty có sản phẩm vi phạm đã được thực hiện, nhưng hiệu quả chưa cao do chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin mà chưa có biện pháp xử lý cụ thể. Ý thức chấp hành quy định về ATTP tại một vài cơ sở sản xuất, cửa hàng, doanh nghiệp và người sản xuất vẫn chưa tốt.

Số lượng hồ sơ TTHC được thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến vẫn còn thấp do người dân, doanh nghiệp đã quen với hình thức nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp.

Việc tuyển dụng công chức, viên chức một số chuyên ngành khó đảm bảo chỉ tiêu, nhu cầu tuyển dụng (trồng trọt, nông học, bảo vệ thực vật, thủy lợi, ...)

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NĂM 2023

I. BỐI CẢNH

1. Tình hình trong nước

Kinh tế nước ta có nhiều mặt thuận lợi, thế và lực của đất nước đã lớn mạnh cả về quy mô và tiềm lực; thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế đang tạo ra những chuyển biến khởi sắc trong nhiều lĩnh vực trong đó có lĩnh vực nông nghiệp; quan hệ đối ngoại được củng cố và mở rộng; tình hình chính trị - xã hội ổn định. Việt Nam đang thực hiện thúc đẩy phát triển hợp tác kinh tế với các nước sau đại dịch Covid-19 như đảm bảo hoạt động sản xuất, duy trì chuỗi cung ứng, không ngừng mở rộng và phát triển thị trường xuất khẩu, đảm bảo nguồn cung từ thị trường nhập khẩu, tập trung thực hiện các giải pháp để phát triển thị trường khu vực châu Á – châu Phi trong thời gian tới nhằm phục hồi nền kinh tế của cả nước sau đại dịch.

Bên cạnh đó, dự báo cũng có nhiều khó khăn, tình hình chính trị, chiến tranh giữa Nga – Ucraina đã ảnh hưởng đến giá các mặt hàng: thiết yếu, chiến lược (xăng dầu, khí đốt, lương thực, phân bón), nguyên vật liệu sản xuất trong nước tăng mạnh tác động không nhỏ đến tình hình sản xuất nông nghiệp trong nước. Ngoài ra biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh nhất là đại dịch Covid-19 ngày càng phức tạp (xuất hiện nhiều biến chủng mới) đã tác động lớn đến nền kinh tế, nhất là ngành nông nghiệp làm thị trường tiêu thụ nông sản bị co lại. Tình trạng thiếu lao động nông nghiệp và nguồn nhân lực chất lượng cao, cạnh tranh trong và ngoài nước tăng lên mạnh mẽ.

2. Tình hình trong tỉnh

Cơ cấu kinh tế, lao động tiếp tục chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Tỉnh Tây Ninh vốn có nhiều lợi thế về thời tiết khí hậu, đất đai, kinh nghiệm sản xuất, nền sản xuất nông nghiệp dần được phục hồi và là một trong các địa phương đang thu hút đầu tư mạnh mẽ vào nông nghiệp, nông thôn nhất là trong giai đoạn mở cửa nền kinh tế sau đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh cũng đối mặt với nhiều thách thức: chi phí sản xuất, giá vật tư nông nghiệp tăng cao, giá bán các mặt hàng nông sản biến động bất thường, khó dự báo, dự tính đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của người sản xuất; thiên tai, biến đổi khí hậu và nguy cơ phát sinh dịch bệnh vẫn còn hiện hữu đối với cây trồng, vật nuôi gây ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp; cạnh tranh về thị trường tiêu thụ sản phẩm và thu hút đầu tư, liên kết sản xuất, yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm đòi hỏi người sản xuất phải thay đổi phương thức canh tác để hội nhập theo nền kinh tế thị trường. Do đó, nông nghiệp, nông dân đang là những đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề, sản xuất nông nghiệp cần phải có sự thay đổi về định hướng, công nghệ, loại hình tổ chức, thích ứng nhanh sản xuất theo kịp với xu hướng thị trường,...

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Trên cơ sở phát huy các kết quả đạt được trong việc cơ cấu lại các ngành nông,

lâm, thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới trong thời gian qua, triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề án vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Tây Ninh và huyện Tân Châu; Đề án phát triển vùng nuôi trồng chuyên canh thủy sản gắn với hệ thống kênh thuộc công trình thủy lợi Dầu Tiếng... để tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng liên kết sản xuất – tiêu thụ và mở rộng thị trường xuất khẩu, hướng tới nền nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, phòng ngừa dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phân đầu xây dựng nền nông nghiệp theo hướng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” góp phần hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

III. MỤC TIÊU CHỦ YẾU

* Các chỉ tiêu chủ yếu của ngành:

	Chỉ tiêu	UTH năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Giá trị sản phẩm bình quân thu được trên 01 ha đất trồng trọt (triệu đồng/ha)	106	108
2	Chương trình MTQG xây dựng NTM		
	- Số huyện đạt NTM, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ NTM	04 huyện đạt 44,4%	05 huyện đạt 55,6%
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới, Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM (%)	61 xã, đạt 85,9%	65 xã, đạt 91,5%
	- Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao, Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM nâng cao (%)	16 xã, đạt 22,5%	25 xã, đạt 35,2%
	- Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (%)	02 xã, đạt 2,8%	03 xã, đạt 4,2%
3	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	16,3	16,3
4	Tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn quốc gia (%)	66,0	68,0

(Chi tiết Phụ lục I kèm theo)

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, giá trị gia tăng cao

- *Nông nghiệp*: triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Tây Ninh và Đề án Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao huyện Tân Châu nhằm giúp từng bước phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, hướng tới đáp ứng yêu cầu xuất khẩu (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ). Cụ thể:

+ *Trồng trọt*: duy trì cơ cấu cây trồng theo yêu cầu của thị trường, từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm trồng trọt đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Thực hiện sắp xếp, cơ cấu cây trồng, vùng sản xuất phù hợp, đảm bảo lợi thế cạnh tranh về điều kiện thổ nhưỡng cho

tùng loại cây trồng, đáp ứng nhu cầu thị trường và phát triển vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến nông sản. Thực hiện tốt kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, phát triển nông nghiệp gắn với tăng trưởng xanh, áp dụng các biện pháp xử lý chất thải đảm bảo bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Quản lý, giám sát và tiếp tục đăng ký mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói sản phẩm đối với những vùng trồng cây ăn quả có diện tích sản xuất lớn, nhu cầu xuất khẩu; tiếp tục hỗ trợ thực hiện phần mềm truy xuất nguồn gốc KIPUS và chứng nhận VietGAP trên các sản phẩm trồng trọt. Theo dõi tình hình xuống giống và thu hoạch các vụ trong năm đảm bảo năng suất và chất lượng nông sản, tăng cường công tác phòng chống sinh vật gây hại cây trồng góp phần bảo vệ an toàn sản xuất, giảm thiệt hại cho người nông dân.

+ *Chăn nuôi*: phát triển chăn nuôi tập trung, trang trại quy mô lớn²⁹, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ cao trong chăn nuôi nhằm tăng hiệu quả sản xuất, đảm bảo môi trường, phát triển chăn nuôi ổn định, bền vững; sử dụng có hiệu quả các biện pháp xử lý chất thải (rắn và lỏng) phát sinh trong quá trình chăn nuôi như độn lót sinh học, công trình khí sinh học để hướng tới nền chăn nuôi an toàn, hiệu quả; triển khai các Kế hoạch phòng, chống bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2023, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên địa bàn và hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện các biện pháp an toàn sinh học trong chăn nuôi nhằm ngăn chặn dịch bệnh bùng phát trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Kế hoạch phát triển chuỗi giá trị chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2025; hướng dẫn, hỗ trợ các hộ chăn nuôi xây dựng và được cấp chứng nhận quy trình chăn nuôi tốt VietGAHP; an toàn dịch bệnh.

- *Thủy sản*: triển khai thực hiện Đề án phát triển vùng nuôi trồng chuyên canh thủy sản gắn với hệ thống kênh thuộc công trình thủy lợi Dầu Tiếng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và kế hoạch phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện Kế hoạch quan trắc môi trường nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2023.

- *Lâm nghiệp*: tiếp tục triển khai thực hiện phương án quản lý rừng bền vững của các Ban quản lý rừng giai đoạn 2021-2030 nâng cao giá trị của rừng và góp phần phát triển bền vững nguồn tài nguyên rừng hiện có. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh đạt 16,3%. Phục hồi rừng tự nhiên bằng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên đảm bảo sau giai đoạn phục hồi khả năng thành rừng cao. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án quản lý, phát triển rừng sản xuất, khuyến khích trồng mới và trồng lại rừng sau khai thác bằng rừng cây gỗ lớn, cây lâm nghiệp đa mục đích, tạo nguồn cung cấp nguyên liệu chế biến gỗ; cây có hiệu quả kinh tế cao, cây dược liệu, cây ăn trái, ... Tổ chức thực hiện tốt Đề án trồng một tỷ cây xanh, trồng cây phân tán; thực hiện tốt quá trình trồng và chăm sóc, đảm bảo cây sau khi trồng đạt tỷ lệ sống cao, sinh trưởng phát triển tốt, nhằm mục đích vừa cung cấp nguyên liệu cho chế biến gỗ, vừa bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan. Thực hiện tốt công tác PCCCR, nhất là giai đoạn mùa khô năm 2022 – 2023, tham mưu ban hành dự án nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 – 2030 nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, kéo giảm cả về số vụ và mức độ thiệt hại rừng. Đẩy mạnh các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng và các loại hình liên doanh, liên kết kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon; tăng nguồn thu từ các dịch vụ lâm nghiệp để tái đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho

²⁹ Dự kiến năm 2023 so với năm 2022: đàn heo: 300.000 con (+68.183 con), đàn bò 105.000 con (+1.700 con), đàn gia cầm: 9,7 triệu con (+700 ngàn con)

phát triển lâm nghiệp.

- *Thủy lợi*: tiếp tục triển khai thực hiện Quy hoạch thủy lợi tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2035 làm cơ sở triển khai thực hiện các dự án, từng bước hoàn chỉnh, kết nối, đầu tư hệ thống kênh tiêu trực kết hợp giao thông nội đồng, khai thác hiệu quả hệ thống thủy lợi hiện có, gắn với đề án chuyên đổi cây trồng có giá trị kinh tế cao. Chỉ đạo đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi tăng cường các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; kiểm tra công tác duy tu sửa chữa thường xuyên từ nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi, nguồn kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 và công tác đảm bảo tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2023.

- *Chế biến*: hỗ trợ thủ tục đề tập đoàn Hùng Nhơn sớm hoàn thành và đưa vào hoạt động dự án Giết mổ gia cầm và chế biến thực phẩm ở Trảng Bàn. Khuyến khích các nhà máy ứng dụng và chuyên đổi thiết bị, công nghệ chế biến hướng đến đa dạng các loại sản phẩm chế biến rau củ quả, tinh bột, mía đường, cao su đáp ứng nhu cầu trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu; tận dụng triệt để các phụ phế phẩm nhằm giảm giá thành sản xuất; Hỗ trợ, tạo điều kiện thu hút đầu tư cơ sở chế biến sâu các loại nông sản. Theo dõi tình hình chế biến mì, sản xuất và chế biến mía đường trên địa bàn tỉnh năm 2023; xây dựng và thực hiện Kế hoạch Kiểm tra, giám sát chử đường năm 2022-2023; giám sát các nhà máy mì xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

2. Xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, ổn định và cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn

Phấn đấu cuối năm 2023, huyện Bến Cầu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; duy trì 04 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, 61/71 xã đã đạt chuẩn NTM, 16 xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao và 02 xã đạt chuẩn kiểu mẫu; phấn đấu tăng thêm 04 xã đạt chuẩn NTM, 09 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 01 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, lũy kế đến cuối năm 2023 có 65 xã đạt chuẩn NTM (chiếm 91,5%), 25 xã NTM nâng cao (chiếm 35,2%), 03 xã NTM kiểu mẫu (chiếm 4,2%).

Phấn đấu có thêm từ 15 – 20 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh, trong đó có ít nhất 02 sản phẩm được đánh giá, xếp hạng 4 sao. Hướng dẫn các địa phương lập sò sơ đề nghị xét công nhận các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh theo quy định. Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố, rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch bố trí dân cư trung hạn, hàng năm và giai đoạn 2021 – 2025.

3. Phát triển hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên

Tiếp tục theo dõi, xúc tiến dự án Phát triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh, vốn vay ngân hàng Phát triển Châu Á; Nước sạch và Vệ sinh nông thôn bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh, vốn vay Ngân hàng thế giới và thực hiện các bước tiếp theo sau khi dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo các chủ đầu tư tăng cường công tác quản lý vốn, tiến độ, tình hình giải ngân kế hoạch vốn được giao và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật (công trình cấp nước), lâm nghiệp năm 2023; Hoàn thành đưa vào sử dụng dự án Tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông (giai đoạn 1); triển khai thực hiện các dự án: Sửa chữa hồ Tha La huyện

Tân Châu; Trạm bơm Tân Long huyện Châu Thành; chuẩn bị các thủ tục dự án Tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông (giai đoạn 2).

Triển khai thực hiện Quyết định ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng PCTT trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp³⁰, tổ chức kiểm tra công tác PCTT trước, trong mùa mưa bão; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền PCTT; hướng dẫn, thẩm tra, đề xuất hỗ trợ kịp thời thiệt hại về sản xuất nông nghiệp cho các đối tượng bị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh; phấn đấu thu Quỹ PCTT trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đạt kế hoạch giao; quản lý, sử dụng Quỹ PCTT có hiệu quả.

Xây dựng và tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về chính sách hỗ trợ giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn, chính sách hỗ trợ hệ thống xử lý nước hộ gia đình giai đoạn 2023 - 2025. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về cấp nước sạch nông thôn, quản lý vận hành khai thác các công trình cấp nước sạch. Nâng cao chất lượng, an toàn đối với các công trình cấp nước hiện có trên địa bàn tỉnh; đảm bảo trên 95% các công trình cấp nước đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt, giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống dưới 20%. Tăng tỷ lệ hộ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 99,6%, trong đó tỷ lệ đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt đạt 68% toàn tỉnh.

4. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục tuyên truyền, triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn được cấp thẩm quyền phê duyệt,³¹ đồng thời tổ chức nghiệm thu và giải ngân hỗ trợ đối với các dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt mức hỗ trợ lãi vay trong năm 2022 theo quy định.

Tham mưu ban hành chính sách hỗ trợ phát triển giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

Thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả các chính sách để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực trạng và xu hướng phát triển nông nghiệp của địa phương tại từng thời điểm.

5. Phát triển mạnh khoa học, công nghệ và khuyến nông

Xây dựng và áp dụng hệ thống phần mềm truy xuất nguồn gốc, số hóa và lưu trữ các thông tin từ vùng trồng, thổ nhưỡng, nông dân cho đến kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm nuôi trồng và các thông tin khác trên các khâu của toàn chuỗi giá trị.

Tổ chức và tham gia tập huấn chuyên đề, diễn đàn trao đổi, học tập kinh nghiệm về khuyến nông nhằm trang bị kiến thức, ứng dụng khoa học, công nghệ; nâng cao chất

³⁰ đầu tư trang thiết bị cho Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, thực hiện dự án Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS để tích hợp dự báo mực nước tại hồ chứa, dự báo lũ, ngập lụt, chủ động phòng chống thiên tai gắn với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro hiện tại dựa vào cộng đồng năm 2023.

³¹ Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025; Chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025; Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025; Chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

lượng sản xuất, nâng cao nhận thức an toàn thực phẩm cho người sản xuất. Thực hiện các đề tài, đề án, dự án khoa học công nghệ lĩnh vực nông nghiệp, ưu tiên thực hiện trên các cây trồng, vật nuôi chủ lực được khuyến khích phát triển, nhất là về giống cây trồng, vật nuôi có năng suất và chất lượng cao, phù hợp điều kiện tự nhiên và khí hậu ở địa phương, kháng sâu, bệnh hại.

Xây dựng và thực hiện các mô hình dự án trên cây trồng, vật nuôi theo chuỗi giá trị (chuối, sầu riêng, gà ...), chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các giống mới có năng suất và chất lượng, xây dựng vùng trồng và cơ sở chế biến phục vụ xuất khẩu. Phối hợp tốt với các đơn vị (Đại học Nông lâm TP.HCM, Trung tâm Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế (CIAT), Viện Di truyền Nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông nghiệp Hưng Lộc...) trong công tác nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới. Trong năm 2023, dự kiến kinh phí thực hiện các dự án, mô hình khuyến nông (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản) và thực hiện các nhiệm vụ được giao là 3.520 triệu đồng.

6. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể từng địa phương, sản phẩm, ngành hàng. Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích đầu tư tư nhân

Đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Thành lập mới 05 HTXNN và 9 THTNN, lũy kế số lượng HTXNN, THTNN đến cuối năm 2023 là 120 HTXNN và 105 THTNN.

Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, chú trọng phát triển các hình thức hợp tác, liên kết đa dạng giữa hộ gia đình và doanh nghiệp, tổ chức hợp tác xã và tổ chức tín dụng. Tiếp tục khuyến khích người sản xuất duy trì việc sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP nhằm tạo ra sản phẩm xanh, sạch, đảm bảo chất lượng và góp phần gìn giữ tốt môi trường.

Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện việc sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo hướng giải quyết dứt điểm những vướng mắc trong quản lý và sử dụng đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân liên kết sản xuất tạo hiệu quả thực sự trong liên kết, đặc biệt là đúc kết nhân rộng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện sản xuất của nông dân; phát huy mạnh vai trò của các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đầu môi tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Tăng cường thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào vùng trồng ứng dụng công nghệ cao, đầu tư cơ sở giết mổ và nhà máy chế biến các sản phẩm nông sản thế mạnh của tỉnh.

7. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại

Tiếp tục phát triển thị trường tiêu thụ nông sản (chuối, sầu riêng...) và các sản phẩm chế biến từ mía, mì, cao su sang thị trường Trung Quốc, Mỹ thông qua việc hỗ trợ cấp mã số thông tin vùng trồng phục vụ xuất khẩu.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, liên kết phát triển vùng, chương trình hợp tác trong phát triển nông nghiệp với các tỉnh Bình Phước, Long An, TP.HCM...

Hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, hộ nông dân tham gia kết nối tiêu thụ nông sản, liên kết với các hệ thống siêu thị và cửa hàng lớn trong và ngoài tỉnh và tham gia các sàn

thương mại điện tử, nhất là sản phẩm nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh.

Tăng cường công tác thông tin thị trường nhằm cung cấp kịp thời cho người sản xuất về tình hình giá vật tư nông nghiệp, giá cả thị trường để người dân chủ động điều chỉnh quy mô sản xuất, cân đối cung cầu phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Xây dựng các phim, tài liệu phục vụ truyền thông quảng bá thương hiệu nông sản Tây Ninh trên các kênh truyền thông, các báo và tạp chí lớn, các kênh online cũng như thí điểm trên phần mềm OCOP của tỉnh.

8. Công tác quản lý giống cây trồng, chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra năm 2023 đồng thời tiến hành thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có thông tin phản ánh của người dân, cơ quan chức năng toàn diện trên các lĩnh vực thuộc ngành Nông nghiệp và PTNT (nhất là về quản lý giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm); thực hiện công khai các hành vi gian lận, vi phạm các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm, cạnh tranh không lành mạnh đe dọa đến sức khỏe người tiêu dùng, môi trường sinh thái và mất uy tín sản phẩm nông lâm thủy sản và xử lý nghiêm đúng quy định các trường hợp vi phạm, cụ thể: (1) Thanh tra, kiểm tra 05 cuộc phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống, cây giống; (2) Thanh tra 02 cuộc về thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và thuốc thú y; (3) Kiểm tra 01 cuộc chấp hành quy định về thủy lợi; (4) kiểm tra 01 cuộc chấp hành quy định về lâm nghiệp; (5) Kiểm tra 01 cuộc chấp hành quy định về chăn nuôi, 02 cuộc chấp hành quy định về giết mổ; (6) Kiểm tra 04 cuộc về an toàn thực phẩm.

9. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Xây dựng và triển khai thực hiện: Kế hoạch phát triển đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh năm 2023; kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn năm 2023.

Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CCVC trong ngành năm 2023, tiếp tục xem xét, cử CCVC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch năm 2023. Đăng ký nhu cầu tuyển dụng CC; tổ chức xét thăng hạng VC chuyên ngành nông nghiệp và PTNT từ hạng IV lên hạng V; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp VC chuyên ngành Khuyến nông và Quản lý bảo vệ rừng. Đảm bảo các chế độ, chính sách của CCVC và người lao động đúng quy định.

10. Cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành

Tăng cường công tác CCHC; phối hợp tham mưu, theo dõi, cải thiện chỉ số CCHC của Sở; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành và công bố, công khai các TTHC; đẩy mạnh thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công trực tuyến. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số ngành nông nghiệp, nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định.

Tiếp tục rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và PTNT theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; rà soát, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, tránh chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót nhiệm vụ; đẩy mạnh phân công, phân cấp cho các cơ quan, đơn vị nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo, tích cực của đơn vị.

Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, cơ quan, tổ chức và ý kiến kiến nghị cử tri theo đúng quy định. Tập trung tham mưu, giải quyết dứt điểm các trường hợp khiếu nại, tố cáo, đạt tỷ lệ giải quyết 100%.

V. KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023

1. Nguồn vốn chi thường xuyên

- **Tổng thu:** dự kiến năm 2023 tổng thu (phí, lệ phí) 5.860 triệu đồng, tăng 10% so với ước thực hiện năm 2022.

- **Tổng chi:** dự kiến tổng vốn chi ngân sách nhà nước đề nghị năm 2023 là 107.900 triệu đồng, tăng 10,2% so với ước thực hiện năm 2022. Trong đó:

+ Chi quản lý hành chính: 32.085 triệu đồng, tăng 7% so với năm 2022.

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 67.517 triệu đồng tăng 9,3% so với năm 2022 (trong đó: sự nghiệp nông nghiệp 36.923 triệu đồng, sự nghiệp lâm nghiệp 24.207 triệu đồng, sự nghiệp thủy lợi 5.547 triệu đồng; sự nghiệp kinh tế khác 840 triệu đồng).

+ Chi đảm bảo xã hội và các sự nghiệp khác³²: 2.544 triệu đồng tăng 30,9% so với năm 2022

+ Chi Chương trình Mục tiêu quốc gia (vốn ngành quản lý): 5.754 triệu đồng tăng 39,3% so với năm 2022.

2. Chi đầu tư xây dựng cơ bản (XD CB): dự kiến tổng vốn đầu tư XD CB năm 2023 là 189.920 triệu đồng bằng 76,5% so với năm 2022 để thực hiện đầu tư xây dựng 40 dự án (trong đó: vốn ngân sách địa phương 99.920 triệu đồng, vốn ngân sách Trung ương 90.000 triệu đồng)

(Chi tiết xem các phụ lục III, IV, V kèm theo)

Trên đây là báo cáo ước thực hiện kế hoạch năm 2022, xây dựng kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và PTNT năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, P.KHTC.PV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

³² Gồm: sự nghiệp Giáo dục - đào tạo và dạy nghề; sự nghiệp Khoa học và công nghệ; sự nghiệp Bảo vệ môi trường; Chi bảo đảm xã hội